

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025**

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 (*Chương trình*) và Kế hoạch số 2026/KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh năm 2025 (*Kế hoạch*), cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Thống nhất chỉ đạo, điều hành công tác trẻ em; thực hiện tốt quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em trên địa bàn tỉnh, nhất là công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, ngăn ngừa và đẩy lùi các nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách, chương trình và vận động xã hội để giảm khoảng cách về cơ hội phát triển và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc y tế, giáo dục, bảo vệ chăm sóc trẻ em, vui chơi giải trí và các dịch vụ phúc lợi xã hội của trẻ em; đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm giúp đỡ bằng mọi hình thức (*kể cả vật chất lẫn tinh thần*).

### **2. Yêu cầu**

- Việc triển khai thực hiện các hoạt động phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, địa phương; các hoạt động cần tập trung hướng về cơ sở.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, địa phương; thực hiện hiệu quả công tác thu thập, cập nhật thông tin; có giải pháp phù hợp, kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em ngay tại cộng đồng.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ: Chi tiết tại Phụ lục (*kèm theo*).**

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Mục tiêu 1: Về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em**

- Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách, giải pháp và lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án có liên quan nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em; đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số, trẻ em có

hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, ô nhiễm môi trường. Xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và duy trì mô hình phòng công tác xã hội cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong bệnh viện.

## **2. Mục tiêu 2: Về phát triển toàn diện trẻ em, bảo vệ trẻ em**

### ***a) Bảo vệ trẻ em***

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup> tăng tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; duy trì và nhân rộng hệ thống mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp, chuyển tuyến liên ngành, liên cấp theo hình thức dịch vụ một cửa và các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng. Phối hợp thực hiện hiệu quả Quy chế phối hợp, quy trình hỗ trợ, can thiệp, xử lý các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>; phát triển hệ thống cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em ở cấp tỉnh (*tại Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội tỉnh*) và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

- Rà soát đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại trẻ em, tư pháp thân thiện với trẻ em, bảo vệ trẻ em, thực hiện tư vấn, can thiệp, hỗ trợ khi trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; phối hợp trong công tác điều tra thân thiện với trẻ em.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, hướng dẫn thực hành về bảo vệ trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp, đội ngũ cung cấp dịch vụ xã hội, nhân viên công tác xã hội, cán bộ, nhân viên các cơ sở trợ giúp trẻ em.

- Vận động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em, các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em để giải quyết các vấn đề về trẻ em. Đồng thời, tiếp tục vận động nguồn lực hỗ trợ của tổ chức Plan và các tổ chức Phi chính phủ nhằm đảm bảo phát triển toàn diện trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em; kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em.

- Có giải pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em, quan tâm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp; giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em; duy trì không có trẻ em và người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh lao động trái quy định của pháp luật; giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích; phấn đấu đảm bảo trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

### ***b) Phòng chống xâm hại, bạo lực trẻ em***

<sup>1</sup> Quy định tiêu chuẩn trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

<sup>2</sup> Theo Quy chế phối hợp liên ngành số 1871/QCPH-LĐTĐBXH-YT-GDDT-TTTT-CA-VKSND-TAND, ngày 28/9/2024 của các sở, ngành liên quan về Quy trình phát hiện, hỗ trợ, can thiệp, xử lý bảo vệ các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tổ chức điều tra, xử lý, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại, bạo lực; phòng ngừa, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em.

- Chỉ đạo lực lượng công an các cấp tăng cường rà soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ em, đảm bảo ngăn ngừa và giảm thiểu trẻ em bị xâm hại.

### ***c) Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống***

- Từng bước giảm thiểu tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn hàng năm, thực hiện hiệu quả công tác giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi<sup>3</sup> nhằm đảm bảo mục tiêu đến năm 2025; phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 1052/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn II (2021-2025).

- Tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ trẻ em để nâng cao nhận thức về tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, xâm hại tình dục trẻ em trong cộng đồng và gia đình.

***d) Khai sinh cho trẻ em:*** Thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định<sup>4</sup>; tăng tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh, đảm bảo quyền được khai sinh cho trẻ em.

## **3. Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**

### ***a) Về giáo dục***

- Thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách về giáo dục; có giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện đạt các chỉ tiêu về giáo dục nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số; duy trì các trường bán trú và dân tộc nội trú theo quy định; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh về quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình đối thoại học đường để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học; mô hình bảo vệ trẻ em trong trường học. Triển khai việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong hoạt động giáo dục; đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh.

<sup>3</sup> Tại Tiểu dự án 02, dự án 09 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các chính sách pháp luật có liên quan

<sup>4</sup> Tại Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2015 của liên Bộ: Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Y tế; hướng dẫn các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi theo đúng quy định của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản có liên quan

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, ý thức cho học sinh về xóa bỏ các luật tục lạc hậu, không tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; chỉ đạo thực hiện truyền thông, tuyên truyền, giáo dục về “Luật trẻ em” và “các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trẻ em” cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ học sinh và học sinh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; kịp thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm cán bộ giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, học sinh trong môi trường giáo dục.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện tiếp nhận, bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương và phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh cho học sinh tại nơi cư trú.

- Có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo các cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đạt yêu cầu; tăng tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội; tăng tỷ lệ huy động trẻ em từ 03-05 tuổi đi học mẫu giáo; đảm bảo tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở; phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; duy trì trường học có hỗ trợ tư vấn tâm lý trẻ em; tăng dần tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật và trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp.

#### ***b) Về văn hóa, vui chơi, giải trí***

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh. Hướng dẫn, trang bị kiến thức và kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình nhóm gia đình đồng hành cùng trẻ em để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong gia đình.

- Quan tâm các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em nhằm đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu về tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em; ưu tiên xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em, nhất là các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật. Phấn đấu tăng tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em.

#### **4. Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh trong công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; thực hiện tốt

vai trò giám sát việc thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động nhằm phát huy quyền tham gia và sáng kiến của trẻ em trong trường học, cộng đồng; tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí phù hợp để thu hút trẻ em tham gia. Thành lập, hướng dẫn, tổ chức hoạt động và phát triển nhân rộng Mô hình Hội đồng trẻ em tại các cấp.

- Quan tâm đối tượng trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp; phấn đấu tăng tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em; tăng tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trên địa bàn toàn tỉnh.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Các Sở, ngành:** Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Dân tộc và Tôn giáo, Tỉnh đoàn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra (*Chi tiết theo phân công tại Phụ lục kèm theo*).

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Báo cáo số 464/BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

##### 2. Sở Y tế

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ (*hoặc đột xuất khi có yêu cầu*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan theo quy định.

- Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm nhiệm vụ công tác trẻ em, nhất là ở cơ sở; trong đó lưu ý vấn đề về công tác xây dựng cơ sở dữ liệu trẻ em đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và phát huy hiệu quả khai thác cơ sở dữ liệu trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin, tuyên truyền; hướng dẫn Trung tâm Truyền thông tỉnh và các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại, ngược đãi trẻ em; nêu gương những điển hình tiến tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm hay, sáng tạo trên các phương tiện truyền thông về công tác trẻ em.

**4. Công an tỉnh:** Phối hợp các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng nhằm bảo đảm sự an toàn cho trẻ em khi tham gia trên môi trường mạng; có các biện pháp phòng ngừa bạo lực,

xâm hại, ngược đãi trẻ em.

**5. Sở Tài chính:** Phối hợp với Sở Y tế rà soát, phân khai trong dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội giao năm 2025, kết hợp nguồn huy động xã hội hóa để thực hiện Kế hoạch theo quy định Luật ngân sách nhà nước và phân cấp hiện hành; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện Kế hoạch.

#### **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Căn cứ Kế hoạch và tình hình thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trong đó lưu ý:

- Bố trí ngân sách và lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án có liên quan nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả Kế hoạch tại địa phương; chủ động lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tại Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá các mục tiêu vì trẻ em tại địa phương; rà soát việc bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em và tai nạn, thương tích trẻ em; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em tại địa phương; rà soát duy trì và nhân rộng các mô hình hiệu quả về thực hiện quyền trẻ em; hệ thống bảo vệ trẻ em và mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

**7. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh:** Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ trẻ em là nạn nhân trong quá trình giải quyết các vụ án xâm hại trẻ em; giải quyết, xét xử các vụ án liên quan đến trẻ em theo quy định pháp luật hiện hành. Chú trọng xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tổ chức các phiên tòa thân thiện đối với trẻ em là người bị hại trong các vụ án bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em; đảm bảo đầy đủ các quyền về tố tụng đối với trẻ em là người bị hại trong các vụ án trẻ em bạo lực, xâm hại tình dục đặc biệt quyền được trợ giúp pháp lý.

#### **8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh**

- Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai các nội dung tại Kế hoạch; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện nghiêm Luật trẻ em và chính sách pháp luật về bảo vệ trẻ em, phòng chống xâm hại, bạo lực, ngược đãi trẻ em. Tổ chức giám sát việc chấp hành Luật Trẻ em và các chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh; tích cực phản biện xã hội và tố giác các hành vi vi phạm quyền trẻ em; duy trì và nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em do đơn vị triển khai (nếu có).

- Đề nghị Tỉnh Đoàn tiếp tục phát huy vai trò là tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em, thực hiện tốt vai trò giám sát việc thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động nhằm phát huy quyền tham gia và sáng kiến của trẻ em trong trường học, cộng

đồng; tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí phù hợp để thu hút trẻ em tham gia; tổ chức hoạt động và phát triển Mô hình Hội đồng trẻ em tại các cấp<sup>5</sup>.

- Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh: Thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền trẻ em; tiếp nhận, thu thập thông tin về các hành vi, vụ việc vi phạm quyền trẻ em, phối hợp kịp thời chuyển vụ việc xâm hại trẻ em tới các cơ quan có thẩm quyền để can thiệp, xử lý theo quy định của pháp luật. Tổ chức tiếp nhận nguồn lực tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và các nhà hảo tâm để hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện; định kỳ (*trước ngày 15 tháng 10 năm 2025*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo chung. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương chủ động báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Y Ngọc (đ/b);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (p/h);
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh (p/h);
- Các Sở, ngành: Y tế; Tài chính; Nội vụ; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du Lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo; Công an tỉnh (t/h);
- Tòa án nhân dân tỉnh (p/h);
- Trung tâm Truyền thông tỉnh (p/h);
- Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh (t/h);
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + CVP, PCVP Trà Thanh Trí;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.NTMD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Y Ngọc**

<sup>5</sup> Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Hội đồng trẻ em tỉnh Kon Tum.

**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU TRẺ EM 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 943/KH-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| TT                | Nội dung mục tiêu/chỉ tiêu                                                               | Đơn vị tính | Mục tiêu<br>(theo Kế hoạch số 2026/KH-UBND) <sup>(6)</sup> | Kết quả thực hiện năm 2024 | Mục tiêu thực hiện năm 2025 | Đơn vị thực hiện                                               |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>          | <b>Mục tiêu về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em</b> |             |                                                            |                            |                             |                                                                |
| <b>Chỉ tiêu 1</b> | Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em                                | Xã          | 56                                                         | 64                         | Duy trì 64 xã <sup>7</sup>  | Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
|                   | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.                            | %           | 54,90                                                      | 62,74                      | 62,74                       |                                                                |
| <b>Chỉ tiêu 2</b> | Tỷ lệ trẻ em đến 08 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện  | %           | 90,0                                                       | 89,18                      | 90,0                        |                                                                |
| <b>Chỉ tiêu 3</b> | Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống                                  | ‰           | 9,5                                                        | 9,6                        | 9,5                         | Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
|                   | Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống                             | ‰           | 32,5                                                       | 24,0                       | 24,0                        |                                                                |
|                   | Giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống                             | ‰           | 51,0                                                       | 41,0                       | 37,5                        |                                                                |
| <b>Chỉ tiêu 4</b> | Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi                     | %           | 17,0                                                       | 16,8                       | <16,5                       |                                                                |
|                   | Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi                    | %           | 32,0                                                       | 28,8                       | 28,0                        |                                                                |

<sup>6</sup> Theo Kế hoạch số 2026/KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

<sup>7</sup> Kết quả đánh giá xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tháng 12/2024 có 64/102 xã đạt xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

|                    |                                                                                                                                           |         |             |                    |             |                                                                               |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------|--------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                    | Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD thể béo phì theo tuổi, trong đó:                                                                            |         |             |                    |             |                                                                               |
|                    | - Khu vực nông thôn                                                                                                                       | %       | <5          | 2,5 <sup>(8)</sup> | <2,5        |                                                                               |
|                    | - Khu vực thành thị                                                                                                                       | %       | <10         |                    |             |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 5</b>  | Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin                                                                          | %       | 97,0        | 97                 | 97,0        |                                                                               |
|                    | Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin                                                                         | %       | 97,0        | 81,15              | 97,0        |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 6</b>  | Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con                                                                                                       | %       | 2,0         | Không phát sinh    | 2,0         |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 7</b>  | Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh đạt yêu cầu                                                                         | %       | 100         | 100                | 100         | Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
| <b>II</b>          | <b>Mục tiêu về bảo vệ trẻ em</b>                                                                                                          |         |             |                    |             |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 8</b>  | Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em                                                                               | %       | 3,0         | 1,20               | 1,20        | Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan                |
|                    | Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp                                                                    | %       | 90,0        | 100                | 100         |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 9</b>  | Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em                                                                                          | %       | 0,036       | 0,029              | 0,036       | Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan           |
| <b>Chỉ tiêu 10</b> | Phân đấu duy trì không có lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 05-17 tuổi trên địa bàn tỉnh (lao động trái quy định của pháp luật) | Người   | 0           | 0                  | 0           | Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên                     |
| <b>Chỉ tiêu 11</b> | Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích                                                                                                | Tỷ suất | 510/100.000 | 49/100.000         | 510/100.000 |                                                                               |

<sup>8</sup> Theo Văn bản số 79/VDD-GSDD, ngày 06/2/2025 của Viện dinh dưỡng Bộ Y tế công bố kết quả điều tra giám sát tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi tỉnh Kon Tum (không phân loại khu vực thành thị và nông thôn).

|                    |                                                                                                                                                   |         |            |                   |            |                                                                               |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|-------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                    | Giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích                                                                                             | Tỷ suất | 16/100.000 | 16,2/100.000      | 16/100.000 | quan                                                                          |
| <b>Chỉ tiêu 12</b> | Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời                                                                                | %       | 100        | 100               | 100        |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 13</b> | Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2-3% hằng năm.                                                           | %       | 2-3        | 33,6 <sup>9</sup> | 2-3        | Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
| <b>Chỉ tiêu 14</b> | Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được đăng ký khai sinh                                                                                                  | %       | 98,5       | 99,6              | 99,6       | Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan             |
| <b>III</b>         | <b>Mục tiêu về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em</b>                                                                               |         |            |                   |            |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 15</b> | Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội                                                           | %       | 99,1       | 100               | 100        | Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
| <b>Chỉ tiêu 16</b> | Tỷ lệ huy động trẻ em 03-05 tuổi đi học mẫu giáo                                                                                                  | %       | 92,0       | 95,08             | 96,0       |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 17</b> | Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học                                                                                                              | %       | 99,3       | 99,82             | 99,9       |                                                                               |
|                    | Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp tiểu học                                                                                                                  | %       | 0,20       | 0,07              | 0,20       |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 18</b> | Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở                                                                                                  | %       | 88,0       | 99,48             | 99,5       |                                                                               |
|                    | Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở                                                                                                       | %       | 88,0       | 99,0              | 99,0       |                                                                               |
|                    | Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở                                                                                                           | %       | 0,50       | 0,28              | 0,30       |                                                                               |
| <b>Chỉ tiêu 19</b> | Tỷ lệ trường học có hỗ trợ, tư vấn tâm lý trẻ em; Trong đó:                                                                                       | %       | 95,0       | 100               | 100        |                                                                               |
| -                  | Tỷ lệ trường học cấp THCS và THPT có hoạt động tuyên truyền cho học sinh về xóa bỏ các luật tục lạc hậu, không tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. | %       | 100        | 100               | 100        |                                                                               |

<sup>9</sup> Tảo hôn Năm 2023: 134 em; năm 2024: 89 em: (89/134 giảm 33,6%)

|                    |                                                                                                                                                              |   |      |     |      |                                                                                        |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------|-----|------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| -                  | Tỷ lệ trường học có hỗ trợ, tư vấn tâm lý trẻ em, đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; xâm hại trẻ em. | % | 100  | 100 | 100  |                                                                                        |
| -                  | Tỷ lệ trường học cấp TH, THCS, THPT tham gia phối hợp với Tỉnh Đoàn thực hiện tiếp nhận, bàn giao học sinh về sinh hoạt hè tại địa phương                    | % | 100  | 100 | 100  |                                                                                        |
| -                  | Tỷ lệ trường học cấp TH, THCS, THPT thực hiện lồng ghép, phát triển mô hình đối thoại học đường, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học.        | % | 100  | 100 | 100  |                                                                                        |
| <b>Chỉ tiêu 20</b> | Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật.                                                                    | % | 55,0 | 60  | 60,0 |                                                                                        |
|                    | Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp.                       | % | 80,0 | 80  | 80,0 |                                                                                        |
| <b>Chỉ tiêu 21</b> | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em.                                                                                        | % | 40,0 | 100 | 100  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan |
| <b>IV</b>          | <b>Mục tiêu về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em</b>                                                                                           |   |      |     |      |                                                                                        |
| <b>Chỉ tiêu 22</b> | Tỷ lệ trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.                                                          | % | 30,0 | 30  | 30,0 | Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan                       |
| <b>Chỉ tiêu 23</b> | Tỷ lệ trẻ em được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.                                                             | % | 85,0 | 85  | 85,0 |                                                                                        |
| <b>Chỉ tiêu 24</b> | Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các Mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em.                                                 | % | 30,0 | 30  | 30,0 |                                                                                        |